

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-PT

Ngày: 10/11/2021

“V/v tranh chấp phòòng hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu T

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Mỹ H, bà Thái Thị Hồng V

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Lê H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLPT-DS ngày 16/3/2021 về “Tranh chấp về phòòng hụi”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 05/10/2020 của Tòa án Nhân dân huyện C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2021/QĐ-PT ngày 05/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1950. Địa chỉ: xóm Mậu 4 (nay là xóm L Mậu 2), xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1953. Địa chỉ: xóm Mậu 4 (nay là xóm L Mậu 2), xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1964. Địa chỉ: xóm Mậu 6 (nay là xóm L Mậu 3), xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị S, sinh năm 1980. Địa chỉ: xóm Mậu 6 (nay là xóm L Mậu 3), xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6 – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1950. Địa chỉ: xóm Mậu 3 (nay là xóm L Mậu 1), xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987. Địa chỉ: xóm Mậu 4 (nay là xóm L Mậu 2), xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2017, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị Th trình bày: vào tháng 10/2012 đến tháng 7/2013 (dương lịch), bà có tham gia chơi phò do bà Nguyễn Thị Th làm chủ phò, việc tham gia phò trên tinh thần tự nguyện, với mục đích giúp nhau phát triển kinh tế trong gia đình. Phò do bà Th tổ chức là phò có lãi, người tham gia phò mua phò bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó được. Chủ phò được trích 1% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phò và ghi chép cho các kỳ họp phò. Số tiền còn lại chia đều cho người chưa mua được phò. Chủ phò bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm thu tiền phò và giao tiền phò cho các thành viên. Ngày 13/7/2013, bà Th tuyên bố dừng phò. Bà có tham gia phò do bà Th làm chủ phò với số lượng 04 dây. Cụ thể:

Dây 01: Bà tham gia hai suất, đi được 26 lần (mỗi lần 1.000.000 đồng) với tổng số tiền đã đi là 52.000.000 đồng

Dây 02: Bà tham gia hai suất, đi được 26 lần (mỗi lần 300.000 đồng) với tổng số tiền đã đi là 15.600.000 đồng

Dây 03: Bà tham gia một suất, đi được 19 lần (mỗi lần 1.000.000 đồng) với tổng số tiền đã đi là 19.000.000 đồng

Dây 04: Bà tham gia một suất, đi được 10 lần (mỗi lần 2.000.000 đồng) với tổng số tiền đã đi là 20.000.000 đồng

Tổng 04 dây phò mà bà Th đã nộp cho bà Th với số tiền là 103.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi của 04 dây phò này bà đã nhận là 33.000.000 đồng, số tiền bà Th đã trả cho bà là 12.000.000 đồng. Như vậy, số tiền phò bà đã nộp và chưa được nhận tại phò bà Th là 58.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà Th phải Th toán số tiền phò trên nhưng bà Th không thực hiện. Nay bà Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền phò mà bà đã nộp mà chưa nhận tại phò bà Th là 58.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr vào với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, yêu cầu họ chịu trách nhiệm trả tiền phò cho bà. Bà không đồng ý với yêu cầu này của bà Th, vì khi tham gia phò do bà Th làm chủ phò, bà chỉ nộp tiền cho bà Th và nhận tiền tại bà Th, bà không biết những người đó có tham gia phò tại bà Th hay không. Sau khi dừng phò, bà đã có giấy chốt nợ phò với bà Nguyễn Thị Th chứ không chốt nợ với người nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: từ tháng 10/2012 đến ngày 13/7/2013, bà đứng ra thành lập một số dây phường do bà làm chủ phường với mục đích tự nguyện góp tiền lại để tích lũy, giúp đỡ nhau nuôi con ăn học và phát triển kinh tế gia đình. Mọi người tự nguyện tham gia phường, đóng tiền phường với mức theo thỏa thuận, sau đó mỗi suất được mua một lần, ai mua cao hơn thì người ấy được lấy. Chủ phường là người giữ sổ phường, thu tiền, chia tiền phường và chủ phường được trích 1% để chi phí tiền điện nước, sổ sách. Phường hoạt động bình thường nhưng sau đó một số thành viên tham gia phường nhận tiền phường rồi bỏ trốn, không tiếp tục đóng tiền phường nên bà phải dừng phường.

Bà Nguyễn Thị Th thống nhất với lời khai của bà Hồ Thị Th về thời gian, hình thức chơi phường, số tiền mà bà Th đã đóng phường, số tiền đã được nhận và số tiền chưa được nhận đúng như bà Th trình bày. Tuy nhiên, bà Th không đồng ý trả số tiền trên cho bà Th bởi lý do các thành viên tham gia phường không đóng tiền cho bà nên bà không có tiền để Th toán cho bà Th. Số tiền 58.000.000 đồng mà bà Th chưa được nhận là do phường bà nợ chứ bà không nợ. Bản thân bà cũng là nạn nhân và bà đề nghị đưa các thành viên đã nhận phường không tiếp tục đóng phường vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan trọng vụ án gồm bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Trần Thị Hồng L để có trách nhiệm trả nợ cho bà Th.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Trần Thị Hồng L thừa nhận có tham gia chơi phường do bà Nguyễn Thị Th làm chủ phường; thời gian, hình thức chơi phường, quyền và nghĩa vụ của chủ phường đúng như bà Th trình bày. Tuy nhiên, quá trình chơi phường bà Nh, bà Tr, bà S, bà L trực tiếp đóng tiền phường cho bà Th, nhận tiền phường cũng do bà Th trực tiếp trả và không biết những ai tham gia chơi phường cùng với mình, các thành viên phường cũng không giao dịch, thỏa thuận gì với nhau. Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan thừa nhận đang nợ tiền phường của bà Nguyễn Thị Th và sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Th. Việc bà Th yêu cầu bà Nh, bà Tr, bà S, bà L trả tiền cho bà Hồ Thị Th thì họ không đồng ý vì các thành viên phường không giao dịch, thỏa thuận gì với nhau. Chủ phường là người trực tiếp thu tiền, chi trả tiền phường; còn chi trả cho ai, bao nhiêu họ hoàn toàn không biết nên không chấp nhận yêu cầu của bà Th.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân huyện C đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 389, 401, 426 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 14, 26 của Nghị

định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; Điều 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Th, buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Th khoản tiền nợ phường gốc là 58.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Th kháng cáo với nội dung không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và đưa những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Trần Thị Hồng L vào tham gia vụ án và buộc họ có trách nhiệm trả số tiền họ đã công nhận nợ cho bà Hồ Thị Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 304 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập các tài liệu L quan đến việc nhận nợ giữa bà Th với bà Th và giữa các bà Nh, bà Tr, bà S, bà L với bà Th do Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng tài liệu photo để giải quyết vụ án; đưa tất cả những người chơi phường trong các dây phường bà Th tham gia tại bà Th vào tham gia tố tụng; xác minh làm rõ bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L có phải là “Nh Thành”, “Bác Tr”, “S Hùng”, “L Dương” trong sổ ghi phường không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Hồ Thị Th và những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý

do; bà Lê Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, bà Hồ Thị Th và bà Nguyễn Thị Th đều thừa nhận: từ tháng 10/2012 đến ngày 13/7/2013, bà Hồ Thị Th tham gia 04 dây phường do bà Nguyễn Thị Th làm chủ phường. Tổng cộng bà Th đã nộp tiền của 04 dây phường cho chủ phường Nguyễn Thị Th là 103.000.000 đồng; bà Th đã nhận tiền lãi tại bà Th là 33.000.000 đồng. Sau khi dừng phường, bà Th đã trả cho bà Th số tiền là 12.000.000 đồng. Số tiền phường bà Th đã nộp nhưng chưa nhận tại phường do bà Th làm chủ là 58.000.000 đồng.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Th cho rằng số tiền 58.000.000 đồng mà bà Th chưa nhận được là do phường bà nợ chứ bà không nợ bà Th. Bà Th yêu cầu đưa những người đã nhận tiền phường nhưng không tiếp tục đóng tiền phường nữa là các bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Trần Thị Hồng L vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để buộc họ có trách nhiệm trả nợ cho bà Th.

[2.3] Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ (Gọi Nghị định 144) thì “Chủ hộ là người tổ chức hộ, thu các phần hộ và giao các phần hộ đó cho các thành viên được lĩnh hộ trong mỗi kỳ mở hộ cho đến khi kết thúc hộ”. Các dây phường do bà Th làm chủ là phường (Hộ) có lãi, phường (Hộ) hưởng hoa hồng (Bà Th được hưởng 1% hoa hồng). Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 144 thì “Chủ hộ có trách nhiệm thu phần hộ của các thành viên góp hộ để giao cho thành viên được lĩnh hộ”. Bà Th có quyền được hưởng 1% số tiền lãi mà người mua được phường trả và có nghĩa vụ thu tiền phường của các thành viên chơi phường để trả cho người trúng phường. Mặt khác, các thành viên trong các dây phường do bà Th làm chủ không hoàn toàn quen biết nhau. Bà Th không thỏa thuận, không có giao dịch với các thành viên phường khác mà chỉ thông qua bà Th để nộp và nhận tiền phường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Hồ Thị Th số tiền phường 58.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Đối với việc đề nghị đưa tất cả các thành viên chơi phường vào tham gia tố tụng của bà Th và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Thấy rằng, các dây phường do bà Th làm chủ có nhiều người tham gia; những người đã nhận phường gồm các bà Nh, S, Tr, L cũng đã xác định còn nợ bà Th tiền phường. Tuy nhiên, sau khi vỡ phường giữa bà Th và bà Th đã thống nhất về số tiền phường còn

Áp dụng các Điều 121, 122, 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 4, 5, 8, 14, 15, 17, 24, 26, 27 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, húì, biêu, phườg; Điều 147, 148 Bộ luật tổ tưng

dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Th. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Hồ Thị Th số tiền nợ phường còn nợ là 58.000.000 (*Năm mươi tám triệu*) đồng.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Th. Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Th số tiền 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003427 ngày 23/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND, TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện c;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu T